NỘI DUNG

[CHƯƠNG 1. 20/08/2025 3](#_Toc207033124)

[1.1. Nhận biết 3](#_Toc207033125)

[1.1.1. Thẻ nào dùng để khai báo một tài liệu HTML5 cho trình duyệt biết? 3](#_Toc207033126)

[1.1.2. Trong HTML, thẻ nào được dùng để hiển thị tiêu đề của trang web trên tab trình duyệt? 3](#_Toc207033127)

[CHƯƠNG 2. 22/08/2025 4](#_Toc207033128)

[2.1. Nhận biết 4](#_Toc207033129)

[2.1.1. Trong HTML5, thẻ nào dùng để chèn hình ảnh vào trang web? 4](#_Toc207033130)

[2.1.2. Trong HTML, thẻ nào được dùng để tạo đường liên kết (hyperlink)? 5](#_Toc207033131)

[2.1.3. Thẻ nào trong HTML5 dùng để xuống dòng? 5](#_Toc207033132)

[2.1.4. Trong HTML, thuộc tính nào của thẻ <img> dùng để hiển thị văn bản thay thế khi hình ảnh không tải được? 6](#_Toc207033133)

[2.1.5. Trong HTML, thẻ nào được dùng để tạo danh sách có thứ tự (ordered list)? 7](#_Toc207033134)

[2.1.6. Trong HTML5, thẻ nào dùng để hiển thị nội dung chính của trang web và chỉ nên có một trên mỗi trang? 8](#_Toc207033135)

[2.1.7. Thuộc tính nào trong HTML được dùng để xác định liên kết đích (URL) của thẻ <a>? 8](#_Toc207033136)

[2.1.8. Trong HTML, thẻ nào dùng để tạo ô nhập liệu văn bản trong form? 9](#_Toc207033137)

[CHƯƠNG 3. 24/08/2025 9](#_Toc207033138)

[3.1. Nhận biết 9](#_Toc207033139)

[3.1.1. Thẻ nào trong HTML được dùng để tạo dòng kẻ ngang phân cách nội dung? 9](#_Toc207033140)

[3.1.2. Trong HTML, thẻ nào dùng để tạo một danh sách thả xuống (dropdown list) trong form? 10](#_Toc207033141)

[3.2. Thông hiểu 10](#_Toc207033142)

[3.2.1. Thuộc tính alt trong thẻ <img> quan trọng nhất vì lý do nào sau đây? 10](#_Toc207033143)

[3.2.2. Trong HTML, tại sao nên sử dụng thẻ ngữ nghĩa (semantic tags) như <header>, <nav>, <article> thay vì chỉ dùng <div>? 10](#_Toc207033144)

[3.2.3. Thẻ <link> trong phần <head> của HTML thường được dùng để làm gì? 11](#_Toc207033145)

[3.2.4. Thuộc tính required trong một trường nhập liệu (<input>) có ý nghĩa gì? 11](#_Toc207033146)

[3.2.5. Trong HTML, sự khác biệt chính giữa thẻ <section> và <article> là gì? 11](#_Toc207033147)

[3.2.6. Thuộc tính placeholder trong thẻ <input> có tác dụng gì? 12](#_Toc207033148)

[3.2.7. Trong một biểu mẫu (form), tại sao cần sử dụng thẻ <label> đi kèm với <input>? 12](#_Toc207033149)

[3.2.8. Thuộc tính target="\_blank" trong thẻ <a> có tác dụng gì? 13](#_Toc207033150)

[3.2.9. Thẻ <figure> trong HTML5 thường được dùng với mục đích nào? 13](#_Toc207033151)

[3.2.10. Thuộc tính action của thẻ <form> có chức năng là gì ? 14](#_Toc207033152)

[CHƯƠNG 4. 25/08/2025 14](#_Toc207033153)

[4.1. Thông hiểu 14](#_Toc207033154)

[4.1.1. Trong HTML5, thuộc tính autoplay trong thẻ <video> hoặc <audio> có ý nghĩa gì? 14](#_Toc207033155)

[4.1.2. Trong HTML, thẻ <aside> thường được dùng để làm gì? 15](#_Toc207033156)

[4.1.3. Trong HTML5, thẻ <time datetime="2025-08-20">20/08/2025</time> có lợi ích gì so với chỉ viết văn bản "20/08/2025"? 16](#_Toc207033157)

[4.2. vận dụng 16](#_Toc207033158)

# 20/08/2025

## Nhận biết

### Thẻ nào dùng để khai báo một tài liệu HTML5 cho trình duyệt biết?

1. <meta charset="UTF-8">
2. <!DOCTYPE html>
3. <html lang="en">
4. <head>

→ Đáp án đung B.

→ Giải thích :

Thẻ <!DOCTYPE html> được đặt ở đầu tài liệu để báo cho trình duyệt biết đây là file HTML 5.

<meta charset = “UTF-8”> chỉ khai báo bộ mã ký tự, không phải định nghĩa loại tài liệu.

<html lang = “en” mở thẻ gốc của trang html và xác định ngôn ngữ.

<head> chứa metadata, không để khai báo tài liệu>.

### Trong HTML, thẻ nào được dùng để hiển thị tiêu đề của trang web trên tab trình duyệt?

1. <h1>
2. <head>
3. <title>
4. <header>

→ Đáp án là C.

→ Giải thích:

Thẻ title được đặt trong thẻ head và hiển thị tiêu đề trang web trên tab trình duyệt.

Thẻ h1 tạo tiêu đề lớn trong nội dung trang, chứ không trên tab

Thẻ head → chứa vùng dữ liêu siêu văn bản, không hiển thị trực tiếp như body.

Thẻ header → thường là thẻ ngữ nghĩa (satmetic) thường chứa lo go, thanh menu, nhưng vẫn được hiện thị trong thân trang, không liên quan đến tab trình duyệt.

# 22/08/2025

## Nhận biết

### Trong HTML5, thẻ nào dùng để chèn hình ảnh vào trang web?

1. <img>  
   B. <picture>  
   C. <figure>  
   D. <icon>

→ Là thẻ cơ bản để chèn hình ảnh vào trang web. Nó cần thuộc tính src (đường dẫn ảnh) và alt (văn bản thay thế).

→ Ví dụ :

<img src="hinh-hoa.jpg" alt="Hình ảnh một bông hoa">.

Các lựa chọn khác:

→ <picture> : dùng cho responsive image, cho phép trình duyệt chọn ảnh phù hợp với kích thước màn hình hoặc định dạng hỗ trợ. Nó vẫn cần thẻ <img> bên trong để hiển thị ảnh mặc định.

→ <figure> : Dùng để nhóm nội dung hình ảnh (hoặc video, biểu đồ…) kèm chú thích <figcaption>. Không tự hiển thị ảnh nếu không có <img> bên trong.

→ <icon>: ❌ Không tồn tại trong HTML5.

### Trong HTML, thẻ nào được dùng để tạo đường liên kết (hyperlink)?

1. <a>
2. <link>
3. <nav>
4. <href>

→ Đáp án đúng a. Vì thẻ <a> *(anchor tag)* là thẻ dùng để tạo siêu liên kết *(hyperlink)* trong HTML.

→ Thuộc tính quan trọng nhất là href *( Hypertext REFerence )* để chỉ định địa chỉa URL hoặc đường dẫn đến tài nguyên.

Ví dụ:

<a href="https://example.com">Truy cập Example</a>

→ Các lựa chọn khác:

→ <link> : dùng trong phần <head> để liên kết tài nguyên bên ngoài (CSS, favicon …), không tạo liên kết trong nội dung trang.

→ <nav> : Thẻ thuộc sematic tag (Thẻ ngữ ngữ nghĩa) dùng để nhóm các liên kết điều hướng, nhưng bản thân nó không tạo hyperlink

→ <href>: ❌ Không phải là thẻ HTML, mà là **thuộc tính** của <a> hoặc <link>.

### Thẻ nào trong HTML5 dùng để xuống dòng?

A. <break>  
B. <lb>  
C. <br />  
D. <line>

→ Đáp án đúng : C.

Thẻ br là thẻ rỗng (void element) dùng để ngắt dòng (line break)

→ Thẻ rỗng là thẻ **không có nội dung bên trong** và **không cần thẻ đóng**.

### Trong HTML, thuộc tính nào của thẻ <img> dùng để hiển thị văn bản thay thế khi hình ảnh không tải được?

1. title
2. alt
3. src
4. caption

→ Đáp án đúng alt (alternative text) là thuộc tính của thẻ <img> dùng để mô tả nội dung hình ảnh.

→ Khi ***hình ảnh ko tải được***, trình duyệt sẽ hiển thị văn bản trong *alt*.

→ Trình đọc màn hình ( screen reader ) đọc nội dung alt cho người khiếm thị.

→ Công cụ tìm kiếm cũng dựa vào alt cho người khiếm thính.

→ Công cụ tìm kiếm cũng dựa trên alt để hiểu nội dung ảnh → tốt cho SEO.

Ví dụ:

*<img src="logo.png" alt="Logo công ty ABC">*

Các lựa chọn khác:

→ title : Hiển thị tooltip khi rê chuột vào ảnh, không thay thế ảnh khi bị lỗi.

→ src: Chỉ định đường dẫn đến file ảnh.

→ caption: Không phải thuộc tính của <img>, mà thường là thẻ <figcaption> đi kèm <figure> để chú thích ảnh.

### Trong HTML, thẻ nào được dùng để tạo danh sách có thứ tự (ordered list)?

A. <ul>  
B. <ol>  
C. <li>  
D. <list>

→ Đáp án đúng ol.

→ <ol> (Ordered List) là thẻ dùng để tạo danh sách có thứ tự, thường được đánh số 1,2,3… hoặc chữ cái, số La Mã tùy cấu hình CSS.

→ Bên trong <ol> sẽ chứa thẻ <li> ( List item ) để liệt kê từng mục.

Các lựa chọn khác:

→ <ul> ( Unordered list ) là thẻ tạo danh sách không thứ tự thường là dấu chấm, dấu gạch đầu dòng.

→ <li> Thẻ con của <ol> hoặc <ul>, dùng để tạo từng mục trong danh sách, nhưng bản thân nó không tạo danh sách.

→ <list>: ❌ Không tồn tại trong HTML.

Ví dụ:

|  |  |
| --- | --- |
| <ol>  <li>HTML</li>  <li>CSS</li>  <li>JavaScript</li>  </ol> | 1. HTML 2. CSS 3. JavaScript |

→ Mặc định kiểu 1,2,3… Nếu muốn thay đổi kiểu <ol> sử dụng thêm thuộc tính Type = “A”

### Trong HTML5, thẻ nào dùng để hiển thị nội dung chính của trang web và chỉ nên có một trên mỗi trang?

1. <main>
2. <body>
3. <section>
4. <article>

→ *<main>* là thẻ ngữ nghĩa *(semantic tag)* đại diện cho nội dung chính trong trang web.

→ Mỗi trang web chỉ nên có *1 thẻ main* để trình duyệt có thể hỗ trợ *screen reader* xác định phần nội dung quan trọng nhất.

→ *<main>* dùng đúng cách sẽ tốt cho SEO

Các lựa chọn khác :

→ *<body>:* chứa toàn bộ nội dung hiển thị của trang *( bao gồm cả header, footer, siderbar, main …)* không chỉ phần chính.

→ *<section>* : Nhóm nội dung theo chủ đề, có thể nhiều <section> trong một trang.

→*<article> :* Chứa nội dung độc lập, có thể tái sử dụng hoặc phân phối riêng *(ví dụ: bài báo, bài blog, bài đăng).*

### Thuộc tính nào trong HTML được dùng để xác định liên kết đích (URL) của thẻ <a>?

→ *href (Hypertext REFerence) :* chỉ định URL mà liên kết trỏ tới*.*

Ví dụ:

<a href="https://example.com">Truy cập Example</a>

### Trong HTML, thẻ nào dùng để tạo ô nhập liệu văn bản trong form?

A. <textbox>  
B. <input type="text">  
C. <form>  
D. <label>

→ Đáp án đúng B.

→ <input type="text">: dùng để tạo ô nhập liệu văn bản ngắn (*single-line text field)* trong biểu mẫu *(form).*

*→* Thường được đặt bên trong thẻ *<form>* để gửi dữ liệu lên máy chủ.

→ *<input>* là thẻ dùng để tạo ra ô nhập liệu khác nhau thông qua thuộc tính *type*.

|  |  |
| --- | --- |
| type="text" | ô nhập văn bản ngắn. |
| type="password" | ô nhập mật khẩu (ẩn ký tự). |
| type="email" | ô nhập email (có kiểm tra định dạng). |
| type="number" | ô nhập số. |

# 24/08/2025

## Nhận biết

### Thẻ nào trong HTML được dùng để tạo dòng kẻ ngang phân cách nội dung?

A. <line>  
B. <hr>  
C. <br>  
D. <divider>

→ *hr (horizoltal rule) tạo ra* ***đường kẻ ngang*** để phân tách nội dung.

→ *br* chỉ xuống dòng chứ không tạo đường kẻ.

### Trong HTML, thẻ nào dùng để tạo một danh sách thả xuống (dropdown list) trong form?

A. <select>  
B. <dropdown>  
C. <option>  
D. <list>

→ <select> tạo danh sách thả xuống (dropdown list). Bên trong chứa các thẻ option.

## Thông hiểu

### Thuộc tính alt trong thẻ <img> quan trọng nhất vì lý do nào sau đây?

A. Giúp tăng tốc độ tải ảnh.

***B. Cung cấp văn bản thay thế cho ảnh, hỗ trợ SEO và người khiếm thị.***

C. Tạo hiệu ứng hình ảnh đẹp hơn.

D. Làm cho ảnh tự động thu nhỏ theo màn hình.

→ alt (alternative text : văn bản thay thế) là một đoạn mô tả ảnh.

→ Hiển thị khi ảnh không tải được hỗ trợ người khiếm thính và tốt cho seo.

### Trong HTML, tại sao nên sử dụng thẻ ngữ nghĩa (semantic tags) như <header>, <nav>, <article> thay vì chỉ dùng <div>?

1. Vì thẻ ngữ nghĩa tải nhanh hơn <div>.  
   ***B. Vì thẻ ngữ nghĩa giúp trình duyệt, công cụ tìm kiếm và lập trình viên hiểu rõ ý nghĩa nội dung.***  
   C. Vì thẻ ngữ nghĩa thay thế hoàn toàn cho CSS.  
   D. Vì thẻ ngữ nghĩa giúp hình ảnh hiển thị đẹp hơn.

→ Vì các thẻ ngữ nghĩa (semantic tags) là những thẻ có tên gọi thể hiện rõ **ý nghĩa nội dung** mà chúng bao bọc. Từ đó nó giúp trình duyệt hiểu rõ hơn về cấu trúc và mục đích của từng phần trong trang web.

### Thẻ <link> trong phần <head> của HTML thường được dùng để làm gì?

1. Tạo siêu liên kết trong nội dung trang.
2. ***Liên kết tài liệu HTML với tài nguyên bên ngoài như CSS hoặc favicon.***  
   C. Đặt tiêu đề cho trang web.  
   D. Chèn hình ảnh vào trang web.

*→ Tạo liên giữa các tài liệu ngoài như CSS…*

*→ Ví dụ: <link rel="stylesheet" href="style.css">*

### Thuộc tính required trong một trường nhập liệu (<input>) có ý nghĩa gì?

A. Trường sẽ tự động điền giá trị mặc định.  
***B. Trường bắt buộc phải có giá trị, nếu để trống thì không thể gửi form.***  
C. Trường chỉ đọc, không thể chỉnh sửa.  
D. Trường sẽ được ẩn khỏi người dùng.

→ Trường required (cần thiết) → Khi có trường này trình duyệt sẽ xem trường đó có giá trị hay không. Nếu không có dữ liệu thì báo : “Vui lòng điền thông tin vào trường này.”

### Trong HTML, sự khác biệt chính giữa thẻ <section> và <article> là gì?

1. <section> dùng cho hình ảnh, còn <article> dùng cho văn bản.  
   B. <section> chỉ dùng trong <header>, còn <article> chỉ dùng trong <footer>.  
   ***C. <section> nhóm các nội dung theo chủ đề, còn <article> chứa nội dung độc lập, có thể tồn tại riêng.***  
   D. <section> và <article> hoàn toàn giống nhau, có thể thay thế cho nhau.

→ section : phần → dùng để nhóm các nội dùng theo một chủ đề.

→ article : bài viết → là dành cho một dung độc lập, tự đứng một mình thì vẫn có ý nghĩa.

### Thuộc tính placeholder trong thẻ <input> có tác dụng gì?

***A. Hiển thị văn bản gợi ý bên trong ô nhập liệu cho đến khi người dùng nhập.***  
B. Hiển thị tooltip khi di chuột qua ô nhập liệu.  
C. Xác định giá trị mặc định luôn được gửi lên server.  
D. Ngăn không cho người dùng nhập liệu.

→ placeholder: đối tượng tạm thời.

→ Thuộc tính placeholder trong thẻ input là văn bản tạm thời gợi ý bên trong ô nhập liệu.

Ví dụ: ***<input type="text" placeholder="Nhập tên của bạn">***

A screenshot of a computer

AI-generated content may be incorrect.

### Trong một biểu mẫu (form), tại sao cần sử dụng thẻ <label> đi kèm với <input>?

A. Để làm cho input có màu sắc đẹp hơn.  
***B. Để gắn nhãn mô tả, giúp người dùng và công cụ hỗ trợ (screen reader) hiểu rõ ô nhập liệu.***  
C. Để tăng tốc độ xử lý dữ liệu khi gửi form.  
D. Để tự động điền giá trị mặc định vào input.

→ Tăng khả năng truy cập (accessibility). <label> giúp người dùng biết **ô input dùng để làm gì ?**

### Thuộc tính target="\_blank" trong thẻ <a> có tác dụng gì?

A. Mở liên kết trong cùng tab hiện tại.  
***B. Mở liên kết trong tab hoặc cửa sổ mới.***  
C. Chặn không cho liên kết hoạt động.  
D. Tải trước liên kết để mở nhanh hơn.

→ *target="\_blank" :* dùng trong thẻ <a> để chỉ định liên kết sẽ mở tab mới (hoặc cửa sổ mới).

→ Không cần target thì mặc định là đã mở liên kết trong tab hiện tại.

→ Tải trước tài nguyên *preload* phải dùng <*link rel="preload"> ví dụ font chữ hoặc CSS.*

### Thẻ <figure> trong HTML5 thường được dùng với mục đích nào?

***A. Để nhóm hình ảnh, biểu đồ hoặc video kèm chú thích.***  
B. Để tạo phần đầu trang web (header).  
C. Để chèn đoạn văn bản nổi bật.  
D. Để tạo liên kết điều hướng chính.

Ví dụ:

*<figure>*

*<img src="cat.jpg" alt="Mèo đang ngủ">*

*<figcaption>Một chú mèo đang ngủ trên ghế sofa.</figcaption>*

*</figure>*

*→* Để tạo phần đầu trang web ta dùng thẻ <header>

→ Để chèn đoạn văn bản nổi bật ta có thể dùng hai thẻ <mark> và <strong>

→ mark : bôi vàng.

→ strong là **in đậm**

### Thuộc tính action của thẻ <form> có chức năng là gì ?

A. Xác định phương thức gửi dữ liệu (GET/POST).  
***B. Xác định URL mà dữ liệu của form sẽ được gửi đến.***  
C. Xác định kiểu dữ liệu mà form chấp nhận.  
D. Xác định nút nào sẽ gửi form.

*→ Xác định phương thức gửi dữ liệu (get/post) : thuộc tính method.*

*→ Xác định nơi (URL, database) mà dữ liệu của biểu mẫu (form) sẽ được gửi đến : action*

*→ Kiểu dữ liệu mà form chấp nhận : enctype hoặc thuộc tính accept (ví dụ khi upload file).*

*→ Nút gửi form là <input type = “submit”> hoặc <button type = “gửi”>*

*<form* ***action="/submit-form"*** *method="POST">*

*<input type="text" name="username">*

*<button type="submit">Gửi</button>*

</form>

# 25/08/2025

## Thông hiểu

### Trong HTML5, thuộc tính autoplay trong thẻ <video> hoặc <audio> có ý nghĩa gì?

A. Phát tự động khi người dùng nhấn nút play.  
***B. Phát tự động ngay khi tài nguyên được tải (thường cần kết hợp với muted).***C. Tải trước toàn bộ video/audio trước khi phát.  
D. Lặp lại video/audio vô hạn lần

→ thuộc tính autoplay cho phép video hoặc audio phát ngay khi tải xong mà không cần dùng bấm play.

Ví dụ:

*<video src="video.mp4" autoplay></video>*

→ D sai Thuộc tính *loop* mới là lặp vô hạn.

→ C tải trước chỉ có thuộc tính preload của link.

### Trong HTML, thẻ <aside> thường được dùng để làm gì?

A. Chứa nội dung chính của trang.  
***B. Chứa nội dung liên quan hoặc bổ sung, thường là sidebar.***  
C. Chứa danh sách điều hướng chính.  
D. Chứa nội dung có thể tái sử dụng độc lập, như một bài báo.

→ A sai: chứa nội dung chính của trang là thẻ sematic (ngữ nghĩa) <main>

→ C sai: chứa danh sách điều hướng chính là thẻ sematic (ngữ nghĩa) <nav>

→ D sai chứa nội dung độc lập, như một bài báo → thẻ article (bài viết).

→ aside : dùng cho nội dung phụ liên quan nhưng không phải nội dung chính của trang.

Ví dụ:

* Sidebar (thanh bên)
* Quảng cáo
* Liên kết bài viết liên quan
* Tiểu sử tác giả
* Thông tin bổ sung hoặc ghi chú

*<main>*

*<article>*

*<h1>Bài viết chính</h1>*

*<p>Nội dung bài viết...</p>*

*</article>*

*<aside>*

*<h2>Bài viết liên quan</h2>*

*<ul>*

*<li><a href="#">HTML cơ bản</a></li>*

*<li><a href="#">Thẻ ngữ nghĩa</a></li>*

*</ul>*

*</aside>*

*</main>*

### Trong HTML5, thẻ <time datetime="2025-08-20">20/08/2025</time> có lợi ích gì so với chỉ viết văn bản "20/08/2025"?

A. Giúp hiển thị ngày tháng bằng màu sắc đặc biệt.  
***B. Cung cấp thông tin ngày tháng có cấu trúc để máy móc (trình đọc màn hình, công cụ tìm kiếm) hiểu được.***  
C. Tự động dịch ngày tháng sang ngôn ngữ khác.  
D. Rút ngắn thời gian tải trang.

## vận dụng

### Bạn muốn tạo một form đăng nhập có 2 trường: "Tên đăng nhập" và "Mật khẩu", cùng một nút "Đăng nhập". Thẻ HTML nào sau đây đúng nhất để tạo nút gửi form?

A. <button type="button">Đăng nhập</button>  
***B. <input type="submit" value="Đăng nhập">***  
C. <a href="#">Đăng nhập</a>  
D. <div>Đăng nhập</div>

→ Để gửi được form ta phải dùng *<input type="submit"> hoặc <button type="submit"> mới có chức năng* ***gửi form****.*

*→ A là type = buttton chỉ nút thường không có chức năng gửi form (biểu mẫu).*

### Bạn muốn chèn một video vào trang web và đảm bảo người dùng có thể bấm play/dừng. Cách viết nào đúng nhất?

A. <video src="movie.mp4"></video>  
B. <video src="movie.mp4" autoplay></video>  
***C. <video src="movie.mp4" controls></video>***  
D. <video>movie.mp4</video>

→ Thuộc tính *contronls* hiển thị các ***nút play, pause, âm lượng, thanh tiến trình … cho phép người dùng tự điều khiển video.***

### Bạn muốn tạo một liên kết mở trong tab mới đến trang Google. Cách nào đúng nhất?

A. <a href="https://google.com">Google</a>  
B. <a href="https://google.com" target="\_self">Google</a>  
***C. <a href="https://google.com" target="\_blank">Google</a>***  
D. <a href="https://google.com" rel="icon">Google</a>

→ thuộc tính target = “\_blank”: Chỉ định liên kết sẽ mở trong tab mới.

→ A sai mở mặc định trong tab hiện tại.

→ B sai ***target = “\_self ” cũng mở trong tab hiện tại giống mặc định***

### Bạn muốn tạo một input cho phép người dùng chọn nhiều file cùng lúc để upload. Thuộc tính nào cần thêm vào thẻ <input type="file">

**A. multiple**  
B. files  
C. upload  
D. many

→ **multiple** : là thuộc tính cho phép nhiều file. → nghĩa trong TA : có nhiều phần, nhiều loại.

### Bạn muốn tạo một nút bấm có thể kích hoạt hành động bằng JavaScript, nhưng không gửi form. Thẻ nào phù hợp nhất?

A. <button type="submit">Click</button>  
B. <button type="reset">Click</button>  
***C. <button type="button">Click</button>***  
D. <input type="submit" value="Click">  
→ type button sẽ tạo ra một nút bấm mà không gửi form (biểu mẫu).

→ submit là gửi form.

→ reset là xóa dữ liệu trong form.

### <a href="document.pdf" download>Tải file</a>

Thuộc tính download có tác dụng gì?

*→ Thuộc tính download trong thẻ a cho phép tải file về thay vì mở trực tiếp*

### Bạn muốn tạo một form upload ảnh và chỉ cho phép người dùng chọn file PNG hoặc JPG. Bạn cần dùng thuộc tính nào?

***A. accept***  
B. filetype  
C. mimetype  
D. filter  
→ Thuộc tính accept cho phép giới hạn loại file mà người dùng được chọn trong hộp thoại upload.

*<input type="file" accept=".png, .jpg, .jpeg">*

### Bạn muốn tạo một input dạng thanh trượt (slider) để người dùng chọn giá trị từ 1 đến 100. Cách nào đúng?

A. <input type="number" min="1" max="100">  
B. <input type="text" min="1" max="100">  
**C. <input type="range" min="1" max="100">**  
D. <input type="slider" min="1" max="100">

→ type = number → chỉ tạo ra ô nhập số với mũi tên tăng / giảm, không phải thanh trượt.